

Bản án số: 44/2021/DS-ST

Ngày: 9/12/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương

2. Ông Phan Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Ngày 9 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1958; địa chỉ: ấp Thạnh M, xã Hoà M, huyện P, tỉnh H (có mặt)

Bị đơn: 1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp Thạnh M, xã Hoà M, huyện P, tỉnh H (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp Thạnh M, xã Hoà M, huyện P, tỉnh H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào năm 2017 ông Nguyễn Văn Đ có cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Kim C (con ông Đ) vay số tiền 20.000.000 đồng, có thoả thuận lãi suất theo pháp luật, vì là gia đình nên không có làm biên nhận nợ, mục đích vay để anh H và chị C cất nhà. Sau khi vay anh H và chị C có trả cho ông Đ 10.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh đến nay vẫn chưa trả. Hiện tại anh H và chị C đã ly hôn

Vì sau khi ly hôn anh H là người quản lý tài sản chung nên tại phiên toà ông Đ yêu cầu anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả tổng số tiền nợ là 12.350.000 đồng, trong đó nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi 2.350.000 đồng. Ông Đ rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị Kim C

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H thừa nhận việc anh và chị Nguyễn Thị Kim C có vay của ông Đ 20.000.000 đồng, không có biên nhận, đã trả được 10.000.000 đồng, anh H và chị C đã ly hôn vào tháng 11/2020

Nay ông Đ yêu cầu anh Hoá có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 12.350.000 đồng, trong đó nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi 2.350.000 đồng anh Hoá không đồng ý, vì đây là nợ chung giữa anh H và chị C nên anh H yêu cầu chia đôi số nợ, anh H chỉ đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 6.175.000 đồng

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Trong thời gian chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng thì có vay của ông Nguyễn Văn Đ (cha chị C) 20.000.000 đồng, không có biên nhận, đã trả được 10.000.000 đồng, anh H và chị C đã ly hôn vào tháng 11/2020

Sau khi ly hôn anh H quản lý toàn bộ tài sản chung nên chị C yêu cầu anh H có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho ông Đ 12.350.000 đồng, trong đó nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi 2.350.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn H trả nợ vay. Nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng, vào năm 2017 nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ có cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Kim C vay số tiền 20.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng, đến nay còn nợ lại 12.350.000 đồng, trong đó nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi 2.350.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Kim C cũng thừa nhận số nợ. Qua đó có cơ sở xác định anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Kim C có nợ của

ông Nguyễn Văn Đ tổng số tiền 12.350.000 đồng, trong đó nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi 2.350.000 đồng

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ khi vay là năm 2017 đến khi xét xử sơ thẩm với số tiền 2.350.000 đồng là phù hợp và đã có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: xét thấy anh H và chị C đều thừa nhận số nợ, mục đích vay để cất nhà trong thời kỳ hôn nhân, nên anh H và chị C phải có trách nhiệm trả nợ là phù hợp. Đối với việc ông Đ và chị C cho rằng sau khi chị C và anh H ly hôn, do anh H quản lý tài sản chung nên phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ là không phù hợp. Bởi lẽ việc trả nợ là nghĩa vụ của anh H và chị C, còn đối với tài sản chung thì chị C vẫn có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác để yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với anh H

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ $\frac{1}{2}$ số nợ là 6.175.000 đồng.

Về trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ của chị Nguyễn Thị Kim C do ông Đ rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị Kim C nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với chị C là phù hợp

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ không được chấp nhận, vì ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 35, Điều 39, Điều 147, 217, 218, 219 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim C trả nợ vay.

Buộc anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 6.175.000 đồng (sáu triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn H phải nộp là 308.000 đồng.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Phụng Hiệp;
- THA h. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Dũng